


**BÁO CÁO**

V/v : báo cáo số liệu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng theo Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 27/05/2025 của Bộ Y tế.

- Thực hiện công văn số 5276/SYT-NVY ngày 22/04/2026 V/v: báo cáo số liệu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng theo Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 27/05/2025 của Bộ Y tế.
- Căn cứ Công văn số 1994/KCB-PHCN&GD của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh về việc báo cáo kết quả thực hiện hoạt động phục hồi chức năng năm 2025 và QĐ số 569/QĐ-TTg ngày 24/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ.
- Thực hiện chỉ đạo của Giám đốc, phòng KHTH đã thực hiện rà soát, phối hợp với phòng TCKT-QTNS thực hiện báo cáo, trình nội dung của báo cáo theo Biểu mẫu số 02 đính kèm công văn 5276/SYT-NVY ngày 22/04/2026.
- Sau khi được phê duyệt báo cáo, phòng KHTH thực hiện nhập dữ liệu của báo cáo trực tiếp tại đường link: <https://tinyurl.com/baocaosyt> trước ngày 27/4/2026.

Trên đây là báo cáo thực hiện Công văn số 5276/SYT-NVY ngày 22/04/2026 V/v: báo cáo số liệu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng theo Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 27/05/2025 của Bộ Y tế tại BVĐKVP. 

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế theo link: <https://tinyurl.com/baocaosyt>;
- GD;
- Các khoa/phòng/bộ phận;
- Lưu: VT, KHTH;



**GIÁM ĐỐC**

**LÊ NGUYỄN QUẾ MINH**

**Biểu số 2. Biểu mẫu báo cáo dành cho các cơ sở y tế/ cơ sở bảo trợ xã hội**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 96 /BC-BVĐKVP  
V/v báo cáo tình hình triển khai thực hiện  
Chương trình phát triển hệ thống phục hồi  
chức năng

Long Hương, ngày 4 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN  
HỆ THỐNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

(Thời điểm báo cáo từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2025)

**A. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH:**

**I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**

1.1. Tên đơn vị báo cáo: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC**

1.2. Người phụ trách:

- **Lãnh đạo đơn vị phụ trách báo cáo:**

Họ và tên: LÊ NGUYỄN QUẾ MINH Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0913.957.271 Email:

- **Cán bộ trực tiếp tổng hợp báo cáo:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Loan Vị trí công tác: TP.KHTH-QLCL

Điện thoại: 0254.373.9772 Email: bsnguyenthingocloan7@gmail.com.

**II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:**

2.1. Đơn vị báo cáo cần xác định rõ thời điểm báo cáo. Toàn bộ số liệu trong biểu mẫu được thống kê trong thời điểm báo cáo.

2.2. Đơn vị báo cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu trong biểu mẫu theo các cách sau:

- Điền số lượng cụ thể vào ô trống tương ứng với nội dung cần báo cáo.
- Thực hiện theo các hướng dẫn cụ thể ở từng nội dung báo cáo.
- Các ký hiệu MT (ví dụ: MT1, MT2), NV (ví dụ: NV1, NV 2,...) là mã số chỉ số đánh giá, được ký hiệu tương đồng giữa các Biểu mẫu.

2.3. **Mẫu file thống kê:** biểu mẫu được đăng tải trên các website của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh ([kcb.vn](http://kcb.vn)) và Viện Chiến lược và Chính sách Y tế ([hsppi.org.vn](http://hsppi.org.vn)).

2.4. **Một số chữ viết tắt:**

BV	Bệnh viện	HĐTL	Hoạt động trị liệu	SYT	Sở Y tế
CK	Chuyên khoa	KTV	Kỹ thuật viên	TTYT	Trung tâm y tế
CN	Cử nhân	NKT	Người khuyết tật	TYT	Trạm y tế
CTS	Can thiệp sớm	NNTL	Ngôn ngữ trị liệu	UBND	Ủy ban nhân dân
CTV	Cộng tác viên	PHCN	Phục hồi chức năng	VLTL	Vật lý trị liệu
DVCD	Dựa vào cộng đồng	PHS	Phát hiện sớm	YHCT	Y học cổ truyền

### III. THÔNG TIN HỖ TRỢ:

**Đơn vị có nhu cầu hỗ trợ về chuyên môn trong quá trình thực hiện Biểu mẫu vui lòng liên hệ:**

- |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>1 Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực PHCN</b><br/>Cục Quản lý Khám, chữa bệnh<br/>Phòng Phục hồi chức năng và Giám định<br/>BSCKI Nguyễn Thị Thanh Lịch – Phó Trưởng Phòng<br/>Điện thoại: 0986 924 470</p> | <p><b>2 Cơ quan hỗ trợ kỹ thuật triển khai Chương trình</b><br/>Viện Chiến lược và Chính sách Y tế<br/>Khoa Tổ chức và Nhân lực Y tế<br/>ThS Đặng Lê Trí: 0973 029 036<br/>CN Phan Thị Chi Mai: 0916 560 695</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**B. NỘI DUNG BIỂU MẪU:**

**I. THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC TẠI ĐƠN VỊ:**

1.1. Thực trạng và nhu cầu nhân lực (ghi số lượng hiện có cụ thể vào ô tương ứng):

**1.1.1. Nhân lực chung của TOÀN ĐƠN VỊ:**

❖ Về bác sĩ, y sĩ, dược sĩ:

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	MT 16 *				MT 17								
	TỔNG SỐ NHÂN LỰC HIỆN CÓ				SỐ NHÂN LỰC LÀ BÁC SĨ, Y SĨ VÀ DƯỢC SĨ PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ								
	Số viên chức	Số hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP			BÁC SĨ			Y SĨ	DƯỢC SĨ				
		Số hợp đồng lao động chuyên môn	Số hợp đồng lao động hỗ trợ phục vụ		Sau đại học		Đại học		Sau đại học	Đại học	Dưới đại học		
	TS/CK II	ThS/CK I	Nội trú	Bác sĩ Đa khoa	Bác sĩ YHCT	Bác sĩ Răng hàm mặt	Bác sĩ Y học dự phòng						
					11		07			02		02	02

Ghi chú: \* Là mã số chỉ số đánh giá, được ký hiệu tương đồng giữa các Biểu mẫu và Tài liệu hướng dẫn (sử dụng thống nhất trong toàn Biểu mẫu)

❖ Về điều dưỡng, kỹ thuật y, hộ sinh và các chức danh khác:

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	MT 18											
	SỐ NHÂN LỰC LÀ ĐIỀU DƯỠNG, KỸ THUẬT Y, HỘ SINH VÀ CÁC CHỨC DANH KHÁC PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ											
	ĐIỀU DƯỠNG			KỸ THUẬT Y			HỘ SINH			CHỨC DANH KHÁC		
	Sau đại học	Đại học	Dưới đại học	Sau đại học	Đại học	Dưới đại học	Sau đại học	Đại học	Dưới đại học	Sau đại học	Đại học	Dưới đại học
		02	09		01	02		01	08		03	

**1.1.2. Về nhân lực LĨNH VỰC PHCN:**

(Khái niệm “Nhân lực trong lĩnh vực PHCN” được hiểu là tất cả những người tham gia vào các hoạt động PHCN tại cơ sở y tế bao gồm những người trực tiếp cung cấp dịch vụ PHCN và những người làm các công việc khác)

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	MT 19														
	SỐ NHÂN LỰC TRONG LĨNH VỰC PHCN PHÂN THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ TRÌNH ĐỘ														
	Sau đại học				CK khác	Đại học				Y SĨ	KTY PHCN (được cấp văn bằng chuyên môn về PHCN)			KTY khác (ở mọi trình độ đang làm việc trong lĩnh vực PHCN và đã được bổ sung phạm vi hành nghề về PHCN)	ĐIỀU DƯỠNG (ở mọi trình độ đang làm việc trong lĩnh vực PHCN và đã được bổ sung phạm vi hành nghề về PHCN)
	CK PHCN			BS SDH khác đã được cấp chứng chỉ CK cơ bản/định hướng/định hướng CK		Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ YHCT	Bác sĩ Răng hàm mặt	Bác sĩ Y học dự phòng		Sau đại học	Đại học (bao gồm Cử nhân PHCN)	Dưới đại học		
TS/CK II	ThS/CK I	Nội trú													



b/ Kết quả hoạt động phòng ngừa khuyết tật SƠ SINH:

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 4							
	Kết quả triển khai, thực hiện các kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán và điều trị SƠ SINH							
	Thực hiện kỹ thuật lấy máu của trẻ sơ sinh và vận chuyển đến cơ sở KCB có cung cấp dịch vụ XN sàng lọc sơ sinh		Thực hiện sàng lọc bằng kỹ thuật xét nghiệm trên mẫu máu khô		Sàng lọc khiếm thính bẩm sinh		Sàng lọc bệnh tim bẩm sinh	
	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có nhưng phối hợp với bên thứ 3 để thực hiện kỹ thuật 2 = Trực tiếp thực hiện kỹ thuật	Số mẫu máu được lấy và chuyển đến cơ sở KCB trong kỳ báo cáo (ghi số mẫu)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có nhưng phối hợp với bên thứ 3 để thực hiện kỹ thuật 2 = Trực tiếp thực hiện kỹ thuật	Số mẫu máu khô được xét nghiệm trong kỳ báo cáo (ghi số mẫu)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có nhưng phối hợp với bên thứ 3 để thực hiện kỹ thuật 2 = Trực tiếp thực hiện kỹ thuật	Số trẻ sơ sinh được sàng lọc trong kỳ báo cáo (ghi số trẻ)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có nhưng phối hợp với bên thứ 3 để thực hiện kỹ thuật 2 = Trực tiếp thực hiện kỹ thuật	Số trẻ sơ sinh được sàng lọc trong kỳ báo cáo (ghi số trẻ)
	1	625	1	625	0	0	0	0

2.1.1.2. Về phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật (Quyết định 359/QĐ-BYT năm 2023 về ban hành tài liệu “Hướng dẫn Phát hiện sớm - Can thiệp sớm khuyết tật trẻ em”):

❖ Tình hình thực hiện Chương trình PHCN chuyên sâu và Huấn luyện gia đình, tư vấn, thăm tại nhà của đơn vị: không thực hiện

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 6						NV 7							
	Tình hình thực hiện Chương trình PHCN chuyên sâu						Tình hình thực hiện Huấn luyện gia đình, tư vấn và thăm tại nhà							
	Vận động trị liệu		Ngôn ngữ trị liệu		Hoạt động trị liệu		Dụng cụ trợ giúp thích nghi đơn giản		Huấn luyện cho gia đình (chuẩn bị ra viện)			Tư vấn và thăm tại nhà (chiến dịch của đơn vị)		
	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có	Số lượt đơn vị độc lập thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Số lượt đơn vị phối hợp thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0 = Không 1 = Có	Số lượt đơn vị độc lập thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Số lượt đơn vị phối hợp thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

❖ Tình hình thực hiện Các dịch vụ PHS, khám sàng lọc và đánh giá của đơn vị: không thực hiện

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 8																			
	Tình hình thực hiện Các dịch vụ phát hiện sớm, khám sàng lọc và đánh giá																			
	Triển khai PHS, CTS trẻ khuyết tật nghe nói		Triển khai PHS, CTS trẻ khuyết tật chậm phát triển ngôn ngữ		Triển khai PHS, CTS trẻ khuyết tật về nhìn		Triển khai PHS, CTS trẻ khuyết tật về thần kinh, tâm thần		Triển khai PHS, CTS trẻ khuyết tật trí tuệ		Triển khai hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng		Triển khai hướng dẫn sử dụng thiết bị, dụng cụ PHCN		Các dịch vụ về thị lực		Can thiệp phẫu thuật theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế *		Can thiệp phẫu thuật đơn giản theo phân tuyến kỹ thuật **	
	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)	Có triển khai thực hiện (ghi đáp án phù hợp) 0. Không 1. Có	Số lượt thực hiện trong kỳ báo cáo (ghi số lượt)

Ghi chú: \* các đơn vị tuyến HUYỆN (trước đây) không cần báo cáo chỉ tiêu này

\*\* các đơn vị tuyến TỈNH (bao gồm cơ sở bảo trợ) không cần báo cáo chỉ tiêu này

**2.1.2. Duy trì, củng cố, kiện toàn và phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở (ghi số lượng cụ thể nếu có thực hiện hoặc ghi đáp án phù hợp với những ô đánh dấu \*)**

❖ Đối với các bệnh viện CK PHCN (gồm các BV PHCN, BV PHCN – Lão khoa, BV YHCT – PHCN): không thực hiện

SỐ ĐƠN VỊ BẢO CÁO	KẾT QUẢ TRONG KỲ BÁO CÁO														
	NV 22			NV 23			NV 24			NV 25	NV 26	NV 27	NV 28	NV 29	NV 30
	Số lượng Khoa/ đơn nguyên (số hiện có tại thời điểm báo cáo)			Số lượng Khoa/ đơn nguyên thành lập mới (số mới trong kỳ báo cáo)			Số lượng Khoa/ đơn nguyên giải thể/sáp nhập (số mới trong kỳ báo cáo)			Sửa chữa lớn cho lĩnh vực PHCN *	Xây mới cho lĩnh vực PHCN *	Mua sắm thiết bị PHCN *	Được duyệt tăng số giường bệnh PHCN *	Tổng kinh phí đầu tư ước tính trong kỳ báo cáo cho lĩnh vực PHCN (đơn vị: triệu đồng)	Hiện có xưởng sản xuất dụng cụ trợ giúp *
	Lâm sàng	Cận lâm sàng	Đơn nguyên PHCN chuyên sâu	Lâm sàng	Cận lâm sàng	Đơn nguyên PHCN chuyên sâu	Lâm sàng	Cận lâm sàng	Đơn nguyên PHCN chuyên sâu	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không có 1 = Có và đang hoạt động 2 = Có nhưng không hoạt động	

❖ Đối với cơ sở KCB (gồm các cơ sở tuyến tỉnh): không thuộc tuyến tỉnh

SỐ ĐƠN VỊ BẢO CÁO	KẾT QUẢ TRONG KỲ BÁO CÁO										
	NV 31	NV 32	NV 33	NV 34	NV 35	NV 36	NV 37	NV 38	NV 39	NV 40	NV 41
	Tổng số Khoa lâm sàng (số hiện có tại thời điểm báo cáo)	Tổng số Khoa cận lâm sàng (số hiện có tại thời điểm báo cáo)	Hiện có cơ sở PHCN *	Đặc điểm của cơ sở PHCN *	Thành lập mới cơ sở PHCN *	Giải thể/sáp nhập cơ sở PHCN *	Sửa chữa lớn cho lĩnh vực PHCN *	Xây mới cho lĩnh vực PHCN *	Mua sắm thiết bị PHCN *	Được duyệt tăng số giường bệnh PHCN *	Tổng kinh phí đầu tư ước tính trong kỳ báo cáo cho lĩnh vực PHCN (đơn vị: triệu đồng)
			0 = Không 1 = Có	1 = Đơn nguyên 2 = Khoa ghép 3 = Khoa độc lập	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có

❖ Đối với các cơ sở khác có cung cấp dịch vụ PHCN (các Trung tâm, đơn vị thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trước đây mới chuyển giao về ngành Y tế từ năm 2025): không cung cấp dịch vụ PHCN

SỐ ĐƠN VỊ BẢO CÁO	KẾT QUẢ TRONG KỲ BÁO CÁO								
	NV 143	NV 144	NV 145	NV 146	NV 147	NV 148	NV 149	NV 150	NV 151
	Hiện có cơ sở PHCN thuộc đơn vị *	Đặc điểm cơ sở PHCN *	Loại hình cơ sở PHCN *	Cấp phép KCB về PHCN *	Sửa chữa lớn cho lĩnh vực PHCN *	Xây mới cho lĩnh vực PHCN *	Mua sắm thiết bị PHCN *	Được duyệt tăng số giường bệnh PHCN *	Tổng kinh phí đầu tư ước tính trong kỳ báo cáo cho lĩnh vực PHCN (đơn vị: triệu đồng)
	0 = Không 1 = Có	1 = Độc lập 2 = Lồng ghép với các bộ phận khác	1 = Phòng khám 2 = Trạm y tế 3 = Khác (ghi rõ)	0 = Chưa được cấp 1 = Đã được cấp	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	

**2.1.3. Nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật PHCN:**

❖ Về số lượng dịch vụ (*ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng*): không có danh mục kỹ thuật PHCN

SỐ ĐƠN VỊ BẢO CÁO	NV 42		NV 43	NV 44	SỐ KỸ THUẬT, THỦ THUẬT CK PHCN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT																			
	Số giường bệnh PHCN (số hiện có tại thời điểm báo cáo)		Tổng số đối tượng PHCN tại đơn vị trong kỳ báo cáo	Số đối tượng được PHCN sớm trong kỳ báo cáo	NV 45									NV 46										
					THEO PHÂN LOẠI THỦ THUẬT									THEO DANH MỤC KỸ THUẬT										
	Số GB nội trú	Số GB nội trú ban ngày	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Loại đặc biệt		Loại I		Loại II		Loại III		Tổng số kỹ thuật, thủ thuật		VLTL, vận động trị liệu		HĐTL		NNTL		Kỹ thuật thăm dò, lượng giá, chẩn đoán và điều trị PHCN		Dụng cụ chỉnh hình và trợ giúp/ dụng cụ PHCN	
					Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo	Tổng số được phê duyệt *	Số được phê duyệt trong kỳ báo cáo

Ghi chú: \* số liệu cộng dồn đến thời điểm báo cáo

❖ Về chất lượng dịch vụ (*ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng*):

SỐ ĐƠN VỊ BẢO CÁO	NV 47		NV 48	
	Điểm TRUNG BÌNH chất lượng theo tiêu chí đánh giá chất lượng BV của Bộ Y tế trong 2 năm liền kề tính tới thời điểm báo cáo		Công suất sử dụng giường bệnh PHCN được phê duyệt trong 2 năm liền kề tính tới thời điểm báo cáo (đơn vị tính: %)	
	Năm 2024 (năm liền kề năm báo cáo)	Năm 2025 (năm báo cáo)	Năm 2024 (năm liền kề năm báo cáo)	Năm 2025 (năm báo cáo)
	678	645	0	0

**2.2. Tình hình thực hiện các NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP của Chương trình**

2.2.1. Kết quả tham gia xây dựng, hoàn thiện các văn bản chính sách và vị trí việc làm trong lĩnh vực PHCN (*ghi dấu X vào ô tương ứng nếu có thực hiện*): không thực hiện

SỐ ĐƠN VỊ BẢO CÁO	NV 49		NV 50		NV 51		
	Tham gia xây dựng, hoàn thiện các văn bản tham mưu, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về PHCN cho NKT		Tham gia xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy định chính sách chi trả BHYT đối với NKT sử dụng dụng cụ PHCN, công nghệ trợ giúp, thiết bị, vật liệu PHCN, trang thiết bị y tế đặc thù cá nhân và hoạt động PHCN DVCD		Kết quả xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm của lĩnh vực PHCN trong kỳ báo cáo *		
	Các chính sách của địa phương	Các chính sách của các Bộ ngành và quốc gia	Các chính sách của địa phương	Các chính sách của các Bộ ngành và quốc gia	Chưa xây dựng	Đã xây dựng, chưa được phê duyệt	Đã được phê duyệt

1979  
G T  
H H  
V D A K  
H U O  
P H O

**2.2.2. Thực hiện chương trình PHCN dựa vào cộng đồng:** không thực hiện

**2.2.2.1. Kết quả tham gia xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn thực hiện PHCN DVCD (ghi dấu X vào ô tương ứng nếu có thực hiện và ghi rõ thông tin nếu cần):** không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 52			NV 53								
	Tham gia xây dựng, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn chuyên môn liên quan đến công tác PHCN DVCD			Thực hiện lồng ghép hoạt động PHCN DVCD với các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và các chương trình, đề án liên quan khác								
	Tự xây dựng tài liệu sử dụng trong nội bộ đơn vị	Tham gia xây dựng tài liệu, hướng dẫn PHCN DVCD của địa phương (do cơ quan cấp trên chủ trì)	Tham gia xây dựng tài liệu, hướng dẫn PHCN DVCD của Bộ Y tế	Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Các kế hoạch phát triển chuyên đề của tỉnh	Khác (ghi rõ)	

**2.2.2.2. Kết quả thực hiện các hoạt động PHCN DVCD:**

❖ Kết quả đầu ra PHCN DVCD đối với NKT nói chung (ghi đáp án phù hợp và ô tương ứng hoặc ghi số lượng cụ thể với những ô đánh dấu \*): không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 54	NV 55	NV 56	NV 57	NV 58	NV 59	NV 60				NV 61					
	Triển khai hoạt động rà soát, điều tra hộ gia đình để sàng lọc các trường hợp nghi ngờ khuyết tật	Triển khai hoạt động xác định, phân loại khuyết tật tại cộng đồng	Triển khai hoạt động đánh giá nhu cầu hỗ trợ NKT tại cộng đồng	Theo dõi PHCN DVCD cho NKT, trong đó có kế hoạch tập luyện PHCN tại nhà	Kiểm tra, giám sát định kỳ, đánh giá tiên bộ của NKT	Số NKT được hướng dẫn tập luyện tại cộng đồng *	Kết quả sau khi được hướng dẫn tập luyện tại cộng đồng *				Số NKT không hướng dẫn tập luyện tại cộng đồng nữa (theo các lý do) *					
	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	0 = Không 1 = Có	Số hiện có tới kỳ báo cáo	Số mới được hướng dẫn trong kỳ báo cáo	Số NKT không tiên bộ thêm so với trước kỳ báo cáo	Số NKT tiếp tục tiên bộ	Số NKT mới tiên bộ ở kỳ báo cáo này	Tổng số NKT tiên bộ ở kỳ báo cáo này	Đã hoà nhập xã hội	Không kết quả	Chết	Các lý do khác

❖ Kết quả thực hiện các hoạt động PHCN DVCD cho NKT là các đối tượng đặc biệt (ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng nếu có thực hiện): không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 62									
	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG PHCN DVCD CHO NKT LÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT									
	Người có công với cách mạng		Nạn nhân chất độc da cam, dioxin		Người cao tuổi		Người tâm thần		Trẻ tự kỷ	
Số đo đơn vị trực tiếp thực hiện trong kỳ báo cáo	Số phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện trong kỳ báo cáo	Số đo đơn vị trực tiếp thực hiện trong kỳ báo cáo	Số phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện trong kỳ báo cáo	Số đo đơn vị trực tiếp thực hiện trong kỳ báo cáo	Số phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện trong kỳ báo cáo	Số đo đơn vị trực tiếp thực hiện trong kỳ báo cáo	Số phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện trong kỳ báo cáo	Số đo đơn vị trực tiếp thực hiện trong kỳ báo cáo	Số phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện trong kỳ báo cáo	

**2.2.3. Kết quả phát triển chuyên sâu, mở rộng mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ PHCN (ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng):**

❖ Về các loại kỹ thuật, thủ thuật CK PHCN: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 81	NV 82					
	Số kỹ thuật, thủ thuật CK PHCN được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến thời điểm báo cáo (số cộng dồn đến kỳ báo cáo)	Số kỹ thuật, thủ thuật chuyên khoa PHCN được phê duyệt đã triển khai thực tế tại đơn vị đến thời điểm báo cáo (số cộng dồn đến kỳ báo cáo)					
		Tổng số	VLTL, vận động trị liệu	HĐTL	NNTL	Kỹ thuật thăm dò, lượng giá, chẩn đoán và điều trị PHCN	Dụng cụ chỉnh hình và trợ giúp/ dụng cụ PHCN

❖ Về hoạt động chuyển giao kỹ thuật và hoạt động hỗ trợ khác cho các đơn vị tuyển dưới: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 83	NV 84	NV 85	NV 86					NV 87	NV 88	NV 89	NV 90	NV 91	NV 92	
	Kết quả chuyển giao kỹ thuật PHCN (số mới trong kỳ báo cáo)									Kết quả chuyển giao các kỹ thuật khác (lâm sàng và cận lâm sàng) (số mới trong kỳ báo cáo)			Các hoạt động hỗ trợ khác (hoạt động quản lý) (số mới trong kỳ báo cáo)		
	Số đơn vị tuyển dưới nhận chuyên giao kỹ thuật	Số NVYT tuyển dưới được nhận chuyên giao các kỹ thuật	Số kỹ thuật chuyên giao cho đơn vị tuyển dưới	Số kỹ thuật chuyển giao tuyển dưới phân theo lĩnh vực						Số đơn vị tuyển dưới nhận chuyên giao kỹ thuật	Số NVYT tuyển dưới được nhận chuyên giao các kỹ thuật	Số kỹ thuật chuyên giao cho đơn vị tuyển dưới	Số đơn vị tuyển dưới nhận hỗ trợ	Số NVYT tuyển dưới được nhận hỗ trợ	Số hoạt động hỗ trợ cho đơn vị tuyển dưới
VLTL, vận động trị liệu				HDTL	NNTL	TLTL	Kỹ thuật thăm dò, lượng giá, chẩn đoán và điều trị PHCN	Dụng cụ chỉnh hình và trợ giúp/ dụng cụ PHCN							

2.2.4. Đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động PHCN:

❖ Tình hình TỐT NGHIỆP các khóa đào tạo cấp VĂN BẰNG của NVYT của đơn vị (ghi số lượng cộng dồn trong kỳ báo cáo vào ô tương ứng): không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 97																			
	SỐ LƯỢNG TỐT NGHIỆP TRONG KỲ BÁO CÁO (đơn vị tính: người)																			
	Bác sĩ					Kỹ thuật y trình độ sau đại học			Kỹ thuật y trình độ đại học				Kỹ thuật y trình độ cao đẳng				Chuyên ngành Tâm lý học			
Tiến sĩ PHCN	Thạc sĩ PHCN	CKI PHCN	CK II PHCN	Nội trú PHCN	Thạc sĩ VLTL	Thạc sĩ NNTL	Thạc sĩ HDTL	PHCN	VLTL	HDTL	NNTL	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	PHCN	NNTL	VLTL	HDTL	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	Trình độ đại học	Trình độ sau đại học	

❖ Tình hình TỐT NGHIỆP các khóa đào tạo cấp CHỨNG CHỈ PHCN của NVYT của đơn vị (ghi số lượng cộng dồn trong kỳ báo cáo vào ô tương ứng): không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 98																								
	SỐ LƯỢNG HOÀN THÀNH TRONG KỲ BÁO CÁO																								
	Các lớp đào tạo đủ điều kiện mở rộng phạm vi hành nghề												Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn khác												
	Bác sĩ						Đối tượng khác						Bác sĩ						Đối tượng khác						
	Số lượng lớp theo từng lĩnh vực			Số lượng người tốt nghiệp theo từng lĩnh vực			Số lượng lớp theo từng lĩnh vực			Số lượng người tốt nghiệp theo từng lĩnh vực			Số lượng lớp theo từng lĩnh vực			Số lượng người tốt nghiệp theo từng lĩnh vực			Số lượng lớp theo từng lĩnh vực			Số lượng người tốt nghiệp theo từng lĩnh vực			
VLTL	NNTL	HDTL	TLTL	Khác	VLTL	NNTL	HDTL	TLTL	Khác	VLTL	NNTL	HDTL	TLTL	Khác	VLTL	NNTL	HDTL	TLTL	Khác	VLTL	NNTL	HDTL	TLTL	Khác	

2.2.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

2.2.5.1. Kết quả xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với Tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ hoạt động về lĩnh vực PHCN: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 107	NV 108	NV 109						
	Số lượng các Tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ phối hợp, hỗ trợ (số hiện có trong kỳ báo cáo)	Số lượng chương trình, dự án, kế hoạch hợp tác đã thực hiện (số hiện có trong kỳ báo cáo)	NỘI DUNG HỢP TÁC, PHỐI HỢP (ghi dấu X vào ô tương ứng nếu có thực hiện và ghi rõ vào Mục khác nếu có)						
			Đào tạo nhân lực *	Trao đổi chuyên gia	Chuyển giao kỹ thuật	Cung cấp thiết bị và vật tư	Nghiên cứu khoa học	Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng	Khác (ghi rõ)

Ghi chú: \* gồm các hoạt động xây dựng chương trình, đào tạo giảng viên, đào tạo nhân viên y tế, ...

2.2.5.2. Kết quả nghiên cứu khoa học, đánh giá cung cấp bằng chứng khoa học về lĩnh vực PHCN (ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng và ghi rõ vào Mục khác nếu có):

❖ Về số lượng và loại hình: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 110								NV 111							
	Tổng số nghiên cứu được thực hiện trong kỳ báo cáo								Tổng số nghiên cứu được nghiệm thu trong kỳ báo cáo							
	Số nghiên cứu do đơn vị chủ trì thực hiện				Số nghiên cứu phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện				Số nghiên cứu do đơn vị chủ trì thực hiện				Số nghiên cứu phối hợp cùng đơn vị khác thực hiện			
	Cấp nhà nước	Cấp Bộ/ tỉnh và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương	Khác	Cấp nhà nước	Cấp Bộ/ tỉnh và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương	Khác	Cấp nhà nước	Cấp Bộ/ tỉnh và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương	Khác	Cấp nhà nước	Cấp Bộ/ tỉnh và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương	Khác

❖ Về chủ đề nghiên cứu: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 112									
	Số nghiên cứu được thực hiện trong kỳ báo cáo phân theo một số chủ đề									
	Phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật trẻ em 0 đến 6 tuổi	Phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật ở nhóm trẻ tự kỷ	Can thiệp sớm PHCN người bệnh tại trung tâm, khoa hồi sức tích cực, trung tâm, khoa cấp cứu và trung tâm, khoa đột quỵ, trung tâm, khoa chấn thương chỉnh hình	Các kỹ thuật PHCN	Mô hình bệnh tật PHCN	Dụng cụ trợ giúp	PHCN theo nhóm đa chuyên ngành trong các cơ sở KCB	Chi trả bảo hiểm y tế đối với kỹ thuật PHCN, dụng cụ, công nghệ trợ giúp	Khác (ghi rõ)	

2.2.6. Truyền thông và vận động xã hội:

2.2.6.1. Truyền thông TẠI CƠ SỞ cung cấp dịch vụ: không thực hiện

❖ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, ĐỐI TƯỢNG ĐÍCH và ĐỐI TƯỢNG PHỐI HỢP của hoạt động: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 113				NV 114				NV 115							
	Đơn vị có triển khai truyền thông TẠI CƠ SỞ trong kỳ báo cáo? (ghi dấu X nếu có thực hiện)				ĐỐI TƯỢNG ĐÍCH (ghi dấu X nếu có truyền thông cho đối tượng)				ĐỐI TƯỢNG PHỐI HỢP (ghi dấu X nếu có phối hợp và ghi rõ vào Mục khác nếu có phối hợp với tổ chức cá nhân khác)							
	Lãnh đạo các cấp	NKT	Các đối tượng yếu thế khác *	Người dân trên địa bàn	UBND	Các tổ chức của NKT	Hội Người cao tuổi	Hội Liên hiệp Phụ nữ	Đoàn thanh niên	Hội Cựu chiến binh	Hội Chữ thập đỏ	Các cơ sở giáo dục	Khác (ghi rõ)			

Ghi chú: \* gồm các đối tượng người cao tuổi, trẻ tự kỷ, người tâm thần, ... (áp dụng chung cho Mục 2.2.6)

❖ NGUỒN TÀI LIỆU, CHỦ ĐỀ TÀI LIỆU, HÌNH THỨC truyền thông tại CƠ SỞ (ghi dấu X vào ô tương ứng nếu có thực hiện và ghi rõ nguồn/chủ đề/hình thức khác nếu có): không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 116				NV 117					NV 118				
	NGUỒN TÀI LIỆU				CHỦ ĐỀ TÀI LIỆU					HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG				
	Tuyên trên phát xuống	Đơn vị tự xây dựng	Sử dụng tài liệu trên web	Nguồn khác (ghi rõ)	PHCN tại cơ sở y tế	PHCN tại cộng đồng	VLTL	HDTL	NNTL	Chủ đề khác (ghi rõ)	Trực tiếp với từng đối tượng	Toạ đàm theo nhóm	Bài viết/ báo tin	Hình thức khác (ghi rõ)



❖ NGUỒN TÀI LIỆU, CHỦ ĐỀ TÀI LIỆU, HÌNH THỨC truyền thông CHUYÊN ĐỀ (ghi dấu X vào ô tương ứng nếu có thực hiện và ghi rõ nguồn/chủ đề/hình thức khác nếu có): không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 134				NV 135						NV 136			
	NGUỒN TÀI LIỆU				CHỦ ĐỀ TÀI LIỆU						HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG			
	Tuyên trên phát xuống	Đơn vị tư xây dựng	Sử dụng tài liệu trên web	Nguồn khác (ghi rõ)	PHCN tại cơ sở y tế	PHCN tại cộng đồng	VLTL	HDTL	NNTL	Chủ đề khác (ghi rõ)	Tài liệu/ tờ rơi phát tay	Bài giảng	Hội thảo/ hội nghị	Hình thức khác (ghi rõ)

2.2.7. Kiểm tra, giám sát, thông tin báo cáo, đánh giá hoạt động PHCN, tiến độ, kết quả thực hiện Chương trình phát triển hệ thống PHCN (theo Quyết định số 569/QĐ-TTg):

❖ Kết quả công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 139				NV 140			
	SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC KIỂM TRA, GIÁM SÁT TẠI ĐƠN VỊ TRONG KỲ BÁO CÁO (ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng)				CƠ QUAN THỰC HIỆN KIỂM TRA, GIÁM SÁT TẠI ĐƠN VỊ (ghi dấu X vào ô tương ứng và ghi rõ đối tượng khác nếu có)			
	TỔNG SỐ LẦN	Số lần tự kiểm tra, giám sát của đơn vị	Số lần đơn vị được kiểm tra, giám sát chuyên đề	Số lần đơn vị được kiểm tra, giám sát lồng ghép với các nội dung khác	Bộ Y tế	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp	Khác (ghi rõ)

❖ Kết quả công tác báo cáo, đánh giá của đơn vị với các cơ quan khác: không có

SỐ ĐƠN VỊ BÁO CÁO	NV 141				NV 142			
	SỐ LƯỢNG CÁC LẦN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ TRONG KỲ BÁO CÁO (ghi số lượng cụ thể vào ô tương ứng)				CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO CỦA ĐƠN VỊ (ghi dấu X vào ô tương ứng và ghi rõ đối tượng khác nếu có)			
	TỔNG SỐ LẦN	Số lần tự đánh giá của đơn vị	Số lần được yêu cầu báo cáo chuyên đề	Số lần được yêu cầu báo cáo lồng ghép với các nội dung khác	Bộ Y tế	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp	Khác (ghi rõ)

Kết thúc Biểu mẫu./